

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

LÊ MINH

**KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP NHÓM
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA SINH VIÊN SỬ PHẠM**

Ngành : Tâm lý học

Mã số : 9.31.04.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI - 2019

**Luận án được hoàn thành tại:
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Người hướng dẫn khoa học

PGS. TS. NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

Phản biện 1: PGS.TS Phan Trọng Ngộ

Phản biện 2: PGS.TS Trần Thu Hương

Phản biện 3: PGS.TS Đặng Thanh Nga

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án tiến sĩ

Tại Học viện Khoa học xã hội

vào hồi giờ ngày tháng năm 20.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Học tập nhóm (HTN) ngày càng được sử dụng phổ biến ở bậc đại học trên thế giới và ở Việt Nam. Hoạt động học tập này thúc đẩy học tập tích cực, học tập tự chủ và tăng tính thích nghi của người học trong các tình huống phải giải quyết vấn đề. HTN là công cụ phát triển các kỹ năng học sâu trong một loạt các ngành học và môi trường học tập; thúc đẩy sự hợp tác (cooperative learning, peer learning/teaching, peer-to-peer learning) giúp sinh viên tự học với nhau, cùng nhau theo một cách thức hiệu quả. Văn hóa Việt Nam nhấn mạnh “không thầy đố mày làm nên” nhưng mặt khác “học thầy không tày học bạn”. Đây là quan điểm coi trọng tính chủ thể của người học, làm cho việc học tập suốt đời trở nên hiện thực hơn. Theo nghĩa rộng, nó khuyến khích và nâng cao sự hợp tác, năng lực làm việc nhóm (team work) suốt cuộc đời của người học.

Hiện nay, với xu hướng chuyên đào tạo đại học từ niên chế sang tín chỉ, chương trình đại học phải thỏa mãn 3 nguyên lý là dân chủ, đại chúng hóa và dạy học tích cực: Hướng đến chủ thể học tập là người học. Chính vì vậy nhiều trường đại học ở Việt Nam trong đó có các trường Sư phạm đã ngày càng chú trọng hơn việc đổi mới phương pháp học tập theo khuynh hướng người học sẽ học được nhiều hơn, nhớ lâu hơn khi chủ động học hợp tác trong nhóm.

Sinh viên nói chung và sinh viên sư phạm (SVSP) nói riêng trong quá trình được học tập, rèn luyện ở bậc đại học đều có kiến thức, có năng lực giải quyết vấn đề, có khả năng lao động sáng tạo, có tư duy phê phán... nhưng lại thiếu nhiều kỹ năng mềm cần thiết cho việc học tập. Một trong những yếu kém gây cản trở quá trình học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên chính là thiếu kỹ năng cộng tác gây ra nhiều khó khăn với việc HTN. Đặc biệt, trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, cách thức dạy và học ở phổ thông sẽ theo định hướng hướng dạy học thông qua hoạt động tích cực của người học, trong đó có đề cập đến dạy và học theo hình thức hợp tác. Trong điều 28 của Luật giáo dục năm 2005 cũng đã nhấn mạnh việc cần thiết bồi dưỡng khả năng làm việc theo nhóm cho học sinh: “*Phương pháp giáo dục phổ thông, phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh; phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, môn học; Bồi dưỡng phương pháp tự học, khả năng làm việc theo nhóm; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú học tập cho học sinh*”. Nhưng thực tế cho thấy, SVSP gặp khá nhiều khó khăn với HTN từ khó khăn về nhận thức cho đến mặt thái độ và kỹ năng cũng còn nhiều hạn chế.

Hiện nay, tại Việt Nam một số đề tài tâm lý học chủ yếu khảo sát kỹ năng hợp tác nhóm, vấn đề thích ứng với HTN, chỉ có một số ít tác giả đề cập đến những khó khăn trong HTN trong một số môn học ở sinh viên và học sinh phổ thông. Đã có một vài công trình nghiên cứu đề cập đến khó khăn tâm lý (KKTL) trong HTN; nhưng chưa xác định một cách cụ thể các KKTL trong HTN biểu hiện cụ thể như thế nào? Hoạt động HTN của sinh viên được diễn ra trong nhiều giai đoạn khác nhau, vậy các biểu hiện KKTL ở từng giai đoạn đó có khác nhau không? Có sự khác biệt KKTL ở các tiêu chí trường, ngành học hay học lực giữa các sinh viên không? Tất cả những vấn đề đó hiện còn bỏ ngỏ, chưa có nghiên cứu nào khảo sát, tìm hiểu.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi lựa chọn nghiên cứu đề tài: ***“Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm”***.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực trạng KKTL trong HTN của SVSP trên cơ sở đó đề xuất biện pháp khắc phục KKTL trong học tập nhóm của SVSP.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng quan tình hình nghiên cứu KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ ở trong và ngoài nước.

Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

Khảo sát và đánh giá thực trạng mức độ KKTL trong HTN của SVSP các trường Đại học Sư phạm Hà Nội (ĐHSP HN), Đại học Thủ đô Hà Nội (ĐHTĐ HN), Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (ĐHSP HN 2) và các yếu tố ảnh hưởng tới KKTL trong HTN của SVSP.

Tổ chức thực nghiệm sư phạm nhằm mục đích khắc phục, hạn chế KKTL trong HTN ở SVSP.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu.

Biểu hiện và mức độ KKTL trong các giai đoạn HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Về nội dung nghiên cứu

+ Đề tài nghiên cứu KKTL trong HTN của SVSP.

+ Nội dung nghiên cứu tập trung vào các biểu hiện KKTL trong HTN là nhận thức, thái độ và hành vi; các biểu hiện này được xem xét trong các giai đoạn HTN của SVSP.

+ Xem xét một số yếu tố chủ quan và khách quan có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN của SVSP.

3.2.2. Về khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu 540 sinh viên và 18 cán bộ giảng viên các trường Đại học Sư phạm; bao gồm trường ĐHSPT HN, trường ĐHTĐ HN, trường ĐHSPT HN 2.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu dựa trên các phương pháp tiếp cận: Phương pháp tiếp cận chuyên ngành, phương pháp tiếp cận hệ thống, phương pháp tiếp cận hoạt động.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

Luận án đã sử dụng một số phương pháp sau: Phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp chuyên gia, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp trắc nghiệm, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp quan sát, phương pháp thực nghiệm sư phạm, phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

5.1. Đóng góp về mặt lý luận

Luận án đã xây dựng được một cách tương đối hệ thống lý luận KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP, từ khái niệm đến biểu hiện và các yếu tố ảnh hưởng. Đây là vấn đề còn ít được nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu này cũng là cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu các đề tài về KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của sinh viên các trường sư phạm ở nước ta hiện nay.

5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Kết quả nghiên cứu thực trạng KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP cho thấy: KKTL trong HTN của SVSP ở mức có khó khăn, SVSP gặp khó khăn nhiều nhất ở mặt hành vi và ít khó khăn nhất ở mặt thái độ. Trong 4 giai đoạn HTN thì SVSP gặp KKTL nhiều nhất ở giai đoạn thành lập nhóm học tập và ít khó khăn nhất trong giai đoạn thảo luận trên lớp.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần tạo cơ sở khoa học trong việc xây dựng chương trình tập huấn, khắc phục KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ cho SVSP.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Luận án đã hệ thống hóa và xác định được một số vấn đề lý luận cơ bản về KKTL, KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP. Trong đó

luận án xây dựng được 1 khái niệm mới là KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP. Luận án cũng chỉ ra những biểu hiện ở ba mặt nhận thức, thái độ, hành vi của KKTL trong từng giai đoạn HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ thêm lý luận về TLH nhóm trong học tập, tâm lý học sư phạm đại học.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Luận án đã làm rõ thực trạng biểu hiện và mức độ KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP. Trong đó đã phân tích mức độ biểu hiện cụ thể KKTL ở 3 mặt nhận thức, thái độ, hành vi trong từng giai đoạn HTN theo học chế tín chỉ của SVSP. Các chỉ số về nhóm trưởng, chuyên ngành, niên khóa, học lực được phân tích và so sánh để thấy sự khác biệt. Luận án đã chỉ ra mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố chủ quan và khách quan tới KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP. Thực nghiệm tác động phù hợp, đem lại hiệu quả tích cực. Trên cơ sở đó đưa ra một số kiến nghị cho các trường ĐHSP, các khoa đào tạo giáo viên, các giảng viên tổ chức, chỉ đạo HTN theo học chế tín chỉ cho SVSP, giúp các em hạn chế được một số KKTL trong HTN.

Những kết luận của luận án giúp cho các nhà quản lý các trường sư phạm, các khoa sư phạm, các giảng viên có biện pháp quản lý, giảng dạy phù hợp hơn, hiệu quả hơn, tạo điều kiện cho SVSP hạn chế được các KKTL trong HTN.

Kết quả nghiên cứu của luận án cũng là một gợi ý cho các hướng nghiên cứu tiếp theo như nghiên cứu KKTL trong HTN của sinh viên giữ vai trò nhóm trưởng; kỹ năng xây dựng nhóm học tập của sinh viên; tư duy phê phán trong HTN; động cơ HTN của sinh viên ...

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận án gồm 4 chương: Chương 1: Tổng quan nghiên cứu khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm; Chương 2: Lý luận về khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm; Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu; Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn về khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP NHÓM THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

1. Những nghiên cứu khó khăn tâm lý trong học tập

Một số nghiên cứu KKTL trong học tập của trẻ em có thể kể đến các tác giả Bianka Zazzo, A.V Petropxki, Sheldon Horowitz (2005), Murray Evely và Zoe Ganim (2011). Theo các tác giả này, KKTL trong học tập của trẻ em xảy ra do các nguyên nhân sau: Sự thay đổi môi trường hoạt động, gọi là chuyển dạng hoạt động chủ đạo, từ vui chơi, tự do tùy hứng sang hoạt động học tập; sự khiếm khuyết sinh học trong việc lĩnh hội tri thức; sự lo lắng trong học tập, sợ học.

Các nghiên cứu của Ballard và Clanchy (1985); Bob Smale, Julie Fowlie (2009) thì nghiên cứu các KKTL trong học tập ở sinh viên. Các tác giả này cho rằng: Sinh viên gặp nhiều khó khăn trong việc thích ứng với môi trường học tập mới chủ yếu là các vấn đề phương pháp, cách thức, văn hóa học tập, sử dụng ngôn ngữ đặc biệt với các sinh viên du học; sốc văn hóa; không thích ứng và hòa nhập với nhóm; ngại giao tiếp với người lạ; căng thẳng với một lượng tri thức lớn; không thiết lập được cách học tập hiệu quả ở bậc đại học.

Nghiên cứu về khó khăn trong học tập nói chung, phải kể đến tác phẩm học tập đỉnh cao (1999) của Ronald Gross, ông đã chỉ ra các nỗi sợ hay KKTL thường thấy ở người học, đó là những khó khăn khi tiếp thu tri thức, khó khăn khi lựa chọn phương pháp học tập. Ronald Gross cho rằng tất cả người học đều có thể được xếp vào 1 trong 3 nhóm vùng học tập: *Vùng quá sức*: việc học vất vả, không thể kiểm soát, người học gặp rất nhiều KKTL. *Vùng sáng khoái*: Việc học nhiều thách thức nhưng có thể quản lý được, người học không gặp KKTL trong hoạt động học. *Vùng ăn không ngồi rồi*: Việc học tẻ nhạt, chậm chạp và ử ử oải, người học gặp KKTL trong việc không nhận thức được tầm quan trọng, không có thái độ tích cực, không có kỹ năng học tập.

Các nghiên cứu KKTL trong học tập ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào vấn đề học tập ở học sinh đầu lớp 1 và sinh viên những năm đầu ở bậc Cao đẳng, Đại học.

Một số tác giả nghiên cứu về KKTL trong học tập của sinh viên: Nguyễn Xuân Thúc, Đào Thị Lan Hương (2007); Đỗ Thị Hạnh Phúc và Triệu Thị Hương (2007); Đặng Thị Lan (2007) (2015); Đỗ Văn Đoạt và Nguyễn Thị Bích Liên (2017). Các nghiên cứu của các tác giả này khẳng định:

Sinh viên năm nhất gặp khá nhiều KKTL trong học tập, một số nghiên cứu đã quan tâm đến cách mà sinh viên ứng phó với những khó khăn này, nghiên cứu của Đỗ Văn Đoạt cho thấy 100% SVSP có khó khăn trong học tập theo tín chỉ ở các mức độ khác nhau.

Các nghiên cứu KKTL trong học tập của tác giả Đặng Thị Lan thì tập trung chủ yếu vào các khó khăn trong việc học ngoại ngữ, tác giả đã cố gắng làm sáng tỏ mức độ cũng như biểu hiện khó khăn trong học ngoại ngữ của sinh viên ở các mặt nhận thức, thái độ và hành vi.

Theo Đỗ Văn Đoạt và Nguyễn Thị Bích Liên, có nhiều nguyên nhân dẫn đến KKTL trong học tập của sinh viên, chủ yếu là các nguyên nhân: Sinh viên chưa được trang bị kỹ năng học tập theo tín chỉ, sinh viên hiểu không rõ về khó khăn và cách ứng phó với khó khăn trong học tập theo tín chỉ.

Đối với học sinh tiểu học có thể kể đến các tác giả Nguyễn Khắc Viện, Nguyễn Thị Nhất, Nguyễn Kế Hào, Mạc Văn Trang, Vũ Ngọc Hà, Nguyễn Thị Vui... Các tác giả này chủ yếu nghiên cứu một số khó khăn khi chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 và nghiên cứu KKTL của học sinh lớp 1.

Toàn bộ những nghiên cứu trên được nghiên cứu ở những đối tượng khác nhau nhưng có điểm chung là tiếp cận KKTL trong học tập ở ba biểu hiện nhận thức, thái độ và hành vi hoặc ở hai biểu hiện thái độ và hành vi. Các nghiên cứu đều xác định các biểu hiện KKTL và đo mức độ các biểu hiện cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến các KKTL đó. Ngoài các nghiên cứu KKTL trong học tập ngoại ngữ, học tập môn tiếng Việt thì các nghiên cứu còn lại đều khai thác KKTL trong học tập nói chung của sinh viên và học sinh.

2. Những nghiên cứu về thảo luận nhóm và học tập nhóm

Trên thế giới, nghiên cứu về thảo luận nhóm và học tập nhóm thu hút sự quan tâm của nhiều tổ chức giáo dục như: Viện đào tạo quốc gia về khoa học hành vi ứng dụng của Mỹ, Ủy ban Đào tạo và phát triển giáo dục của Mỹ; cùng sự quan tâm của các học giả, chuyên gia giáo dục như Allport, Watson, Shaw và Mead, May và Doob; các nhà triết học và tâm lý học như John Dewey, Kurt Lewin, Morton Deutsch và Tuckman – chuyên gia nghiên cứu về động lực nhóm.

Cuối thế kỷ 20 và thế kỷ 21, phải kể đến các tác giả Spencer Kagan – chuyên gia nghiên cứu học tập nhóm theo hướng tiếp cận cấu trúc, David và Roger Johnson – hai tác giả đầu tiên nghiên cứu kỹ lưỡng về sự phụ thuộc trong nhóm học tập, Larry K. Michaelsen – cha đẻ của phương pháp TBL (học tập dựa vào nhóm); nhóm tác giả Rachel E. Stein, Corey J. Colyer, Jason Manning (2016); Parto S.Khansari, Leanne Coyne (2018).

Về cơ bản, các hướng nghiên cứu tập trung đưa ra quy trình của việc HTN, xem xét tính hiệu quả của thảo luận, học tập theo nhóm ở học sinh, sinh viên; kiểm tra theo hình thức nhóm và so sánh thảo luận, học tập nhóm như là một phương pháp học tập tích cực với các phương pháp học tập khác. Phần lớn các tác giả trên, đều thấy rằng khi so sánh học tập, làm việc theo nhóm so với cá nhân thì việc cộng tác bao giờ cũng tạo ra hiệu suất lao động, học tập hiệu quả hơn rất nhiều. Tuy nhiên họ cũng thừa nhận, khi học tập theo nhóm thì các khó khăn, trở ngại cũng xuất hiện rất nhiều, điều này cản trở và có thể làm việc cộng tác chưa chắc đã hiệu quả bằng làm việc cá nhân.

Việc chuyển đổi dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm trong thời gian qua đã làm gia tăng nhiều nghiên cứu về học tập nhóm tại Việt Nam vì đây được coi là một trong những phương pháp học tập tích cực, phát huy tối đa sự chủ động của người học. Một số chuyên gia giáo dục quan tâm đến các vấn đề lý luận về HTN có thể kể đến: Nguyễn Ngọc Bảo, Trần Kiều, Đặng Thành Hưng, Nguyễn Hữu Châu, Thái Duy Tuyên.

Một số nghiên cứu thực tiễn về HTN gần đây, phần lớn là các luận án Giáo dục học và Tâm lý bao gồm các tác giả: Trần Thị Thu Mai, Trần Duy Hưng, Nguyễn Thành Kinh (2010), Trương Thị Thu Yến (2012), Nguyễn Thị Quỳnh Phương (2012), Nguyễn Thị Thúy Hạnh (2012), Nguyễn Thị Thanh (2013). Các tác giả này chủ yếu nghiên cứu kỹ năng HTN, quy trình rèn kỹ năng HTN, quy trình dạy và học nhóm. Ngoài ra còn có các công trình nghiên cứu ứng dụng HTN trong dạy và học các môn học như ngoại ngữ, hóa, vật lý, lịch sử, sinh học. Các nghiên cứu này tập trung đề xuất quy trình dạy học nhóm, đưa ra các biện pháp nâng cao hiệu quả học tập hợp tác và chỉ ra một số khó khăn HTN phổ biến: Giảm tính độc lập, nhiều học sinh không thích, không hưởng ứng việc học hợp tác, sự ỷ lại của học sinh có xu hướng tăng lên khi tham gia HTN.

Tóm lại các nghiên cứu về HTN tại Việt Nam và trên thế giới, chủ yếu nghiên cứu về những hiệu quả mà HTN mang lại cho người học, nghiên cứu quy trình về kỹ năng HTN, quy trình HTN trên lớp. Chỉ có một số ít nghiên cứu đưa ra hạn chế của việc HTN.

3. Những nghiên cứu khó khăn tâm lý trong quá trình làm việc nhóm, học tập nhóm

Trên thế giới KKTL được nhiều tác giả quan tâm ở nhiều lĩnh vực khác nhau như học tập nhóm, lao động, kinh doanh... nhưng những nghiên cứu về học tập nhóm chưa đi sâu về các biểu hiện khó khăn trong tâm lý cũng như mức độ và đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến KKTL trong học tập nhóm. Ngoài tác giả John C. Maxwell đề cập đến các biểu hiện khó khăn ở mặt nhận thức, thái độ và kỹ năng trong làm việc nhóm thì các tác giả

khác chủ yếu tập trung vào mặt thái độ, hành vi và đưa ra các giải pháp khắc phục hành vi, kỹ năng làm việc nhóm.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu có đề cập đến KKTL trong làm việc nhóm, HTN, có thể kể đến:

“Nghiên cứu ê kíp lãnh đạo trong quản lý doanh nghiệp trên bình diện tâm lý học xã hội” của Vũ Dũng (1993), “Sự cố kết nhóm trong nhóm nhỏ chính thức của sinh viên” của Nguyễn Đức Sơn (2009), “Nghiên cứu những hạn chế của hoạt động nhóm trong các lớp học tiếng anh” của Lê Phạm Hoài Hương (2009), “Thực trạng nguyên nhân làm việc nhóm kém hiệu quả của sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Đồng Nai” của Phan Thị Hồng Hà (2017), “Kỹ năng ứng phó với khó khăn tâm lý trong học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên đại học sư phạm kỹ thuật” của Phan Thị Tâm (2017).

Một vài những khía cạnh về KKTL trong HTN, nguyên nhân gây ra KKTL trong HTN mà các công trình trên đưa ra: Nhóm chưa thể hiện tính tích cực như là một chủ thể thực sự trong các hoạt động, hoạt động nhóm thiếu hụt, các thành viên ít tham gia vào hoạt động cùng nhau, tinh thần hợp tác thấp, các thành viên không cộng tác, trợ giúp nhau; không giải quyết được các tranh cãi, mâu thuẫn, các thành viên trong nhóm thiếu nhiệt tình; ít có sự thống nhất về ý tưởng, một số thành viên năng lực kém; nhiều thành viên không đóng góp ý kiến; phân công công việc không đồng đều.

Các nguyên nhân chủ quan về phía sinh viên như: Nhận thức chưa đúng và chưa đầy đủ về nhóm; thái độ và hành vi làm việc nhóm chưa tích cực (thiếu tinh thần trách nhiệm, không hợp tác, lười biếng, thụ động) là nguyên nhân cơ bản dẫn đến làm việc nhóm kém hiệu quả. Bên cạnh đó, còn có một số nguyên nhân khách quan như: Nhóm không đưa ra các nguyên tắc khi làm việc theo nhóm; không có sự phân công công việc rõ ràng; nhóm trưởng làm việc theo phong cách áp đặt ý kiến.

Như vậy, vấn đề KKTL trong học tập, kỹ năng hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm được nhiều tác giả quan tâm, nghiên cứu nhưng các vấn đề này được nghiên cứu độc lập; chưa có đề tài nào nghiên cứu KKTL trong HTN của SVSP. Vì vậy với luận án này, chúng tôi tập trung nghiên cứu một số KKTL, các biểu hiện KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP và chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến những KKTL đó.

Tiểu kết chương 1

Qua việc khái quát các nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể thấy rằng có rất nhiều công trình nghiên cứu về KKTL trong học tập và nghiên cứu về thảo luận nhóm, HTN cũng như nghiên cứu các KKTL trong quá

trình làm việc nhóm, HTN. Các nghiên cứu đó, trong nước cũng như ngoài nước, chỉ có một số ít các nghiên cứu về hạn chế, khó khăn của HTN. Các tác giả chủ yếu tìm hiểu, khai thác các khó khăn chung của việc HTN, KKTL ở một vài khía cạnh: Sự cố kết trong nhóm, nhận thức và thái độ về HTN, thiếu hụt kỹ năng HTN, việc ứng phó với KKTL trong HTN. Hiện nay, ít có công trình nghiên cứu về KKTL trong HTN của SVSP. Số ít nghiên cứu tại Việt Nam đề cập đến KKTL trong HTN thì chưa chỉ rõ các biểu hiện, mức độ KKTL trong HTN cũng như các yếu tố có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ.

CHƯƠNG 2

LÍ LUẬN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP NHÓM THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

2.1. Lí luận về khó khăn tâm lý

2.1.1 Khái niệm khó khăn

Khó khăn là những trở ngại nảy sinh trong quá trình con người thực hiện một hoạt động nào đó.

2.1.2 Khái niệm khó khăn tâm lý

Khó khăn tâm lý là sự thiếu hụt, hạn chế trong nhận thức, thái độ và hành vi làm cá nhân gặp nhiều khó khăn, trở ngại khi thực hiện một hoạt động nào đó.

2.2. Học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm

2.2.1. Học tập nhóm

Học tập nhóm là hình thức hoạt động học tập theo nhóm mà người học có trách nhiệm tự học tập, chia sẻ và giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm.

2.2.2. Học chế tín chỉ

2.2.2.1. Khái niệm học chế tín chỉ

Học chế tín chỉ là phương thức đào tạo trong đó sinh viên chủ động lựa chọn học từng môn học (tuần thủ theo các ràng buộc được quy định trước) hay từng khối kiến thức – các học phần, chứng chỉ nhằm tích lũy và tiến tới hoàn tất toàn bộ chương trình của một ngành đào tạo để được cấp văn bằng tốt nghiệp.

2.2.3. Học tập nhóm theo học chế tín chỉ

2.2.3.1. Khái niệm học tập nhóm theo học chế tín chỉ

Dựa vào khái niệm HTN, khái niệm học chế tín chỉ, chúng tôi đưa ra khái niệm học tập nhóm theo học chế tín chỉ như sau:

“Học tập nhóm theo học chế tín chỉ là hình thức hoạt động học tập theo nhóm mà người học có trách nhiệm tự học tập, chia sẻ và giúp đỡ các

thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm, nhằm mục đích tích lũy đủ số tín chỉ học tập của một học phần”.

2.2.3.2. Quy trình học tập nhóm theo học chế tín chỉ

Dựa vào việc khảo sát các nội dung lý luận về quy trình HTN cũng như qua hồ sơ quan sát các buổi HTN và phỏng vấn giảng viên tại các trường ĐHSPT HN, ĐHSPT HN 2 và ĐHTĐ HN, chúng tôi nhận định: Hoạt động HTN ở các trường Sư phạm này chủ yếu diễn ra dưới sự điều hành, yêu cầu của giảng viên; bao gồm giai đoạn trước thảo luận: Giảng viên đặt câu hỏi, đưa ra chủ đề thảo luận; sinh viên thành lập nhóm và phân công các nhiệm vụ học tập; giai đoạn thảo luận tại nhóm; giai đoạn thảo luận trên lớp. Tóm lại, qua những gì nghiên cứu và quan sát, chúng tôi cho rằng, HTN theo học chế tín chỉ hiện nay của SVSP thường được tổ chức thành 4 giai đoạn học tập: *Giai đoạn thành lập và xây dựng nhóm học tập, giai đoạn phân công và nhận nhiệm vụ học tập, giai đoạn thảo luận nhóm, giai đoạn thảo luận trên lớp.*

Chúng tôi dựa vào 4 giai đoạn HTN bên trên, để xác định các biểu hiện, mức độ KKTL ở cả 3 mặt nhận thức, thái độ và hành vi trong từng giai đoạn HTN của SVSP.

2.3. Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm

2.3.1. Khái niệm khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm

Qua nghiên cứu các khái niệm cơ bản của đề tài, chúng tôi quan niệm: *Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm là sự hạn chế, thiếu hụt về mặt nhận thức, thái độ và hành vi khi sinh viên thực hiện trách nhiệm tự học tập, chia sẻ và giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm. Các khó khăn đó biểu hiện cụ thể trong việc thành lập và xây dựng nhóm học tập; phân công và nhận nhiệm vụ học tập; thảo luận nhóm và thảo luận trên lớp mà sinh viên cần phải nỗ lực vượt qua nhằm mục đích tích lũy đủ số tín chỉ học tập của một học phần.*

2.3.2. Biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm

Qua hoạt động giảng dạy, áp dụng hình thức HTN cũng như quan sát, điều tra thử và hỏi ý kiến chuyên gia; chúng tôi quan tâm đến các KKTL biểu hiện ở khía cạnh: Nhận thức, thái độ, hành vi của SVSP khi HTN, chúng tôi tập trung khai thác sự hạn chế, thiếu hụt của các biểu hiện này.

Các KKTL trong HTN của SVSP được xem xét trong bốn giai đoạn HTN của SVSP: *Giai đoạn thành lập và xây dựng nhóm học tập; phân công*

và nhận nhiệm vụ học tập; thảo luận nhóm và thảo luận trên lớp. Tất cả bốn giai đoạn này, KKTL trong HTN đều biểu hiện ở ba mặt: Nhận thức, thái độ và hành; ở các giai đoạn khác nhau thì KKTL biểu hiện ở ba mặt này có sự khác nhau.

2.4. Một số đặc điểm tâm lý của sinh viên có ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ

Các đặc điểm tâm lý của sinh viên sư phạm có ảnh hưởng đến KKTL trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ: Nhận thức, nhân cách, tự ý thức và động cơ học tập, sự định hướng giá trị.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm

2.5.1. Các yếu tố khách quan

Các yếu tố khách quan có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP bao gồm: Sự tổ chức và đánh giá kết quả HTN của giảng viên; việc tổ chức HTN của nhóm trưởng; đặc điểm lớp học; tài liệu, nội dung học tập.

2.5.2. Các yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP bao gồm: Động cơ HTN, tính tích cực HTN, kỹ năng HTN.

Tiểu kết chương 2

Nghiên cứu đã xác định các vấn đề lý luận cơ bản làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực tiễn. Luận án đã xây dựng khái niệm công cụ: KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

Các KKTL trong HTN của SVSP biểu hiện qua ba mặt: Nhận thức, thái độ và hành vi. Các biểu hiện KKTL đó được xem xét trong bốn giai đoạn HTN của SVSP: Giai đoạn thành lập và xây dựng nhóm học tập; phân công và nhận nhiệm vụ học tập; thảo luận nhóm và thảo luận trên lớp.

Các KKTL trong HTN của SVSP chịu ảnh hưởng của các yếu tố khách quan và chủ quan. Bao gồm, yếu tố chủ quan: Động cơ HTN, tính tích cực HTN, kỹ năng HTN và các yếu tố khách quan: Giảng viên, nhóm trưởng, đặc điểm lớp học; tài liệu, nội dung học tập.

CHƯƠNG 3 TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu từ 4/2015 đến tháng 4/2018, luận án được nghiên cứu trong 2 giai đoạn chủ yếu: Giai đoạn nghiên cứu lý luận và nghiên cứu thực tiễn.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu

Mục đích: Khái quát những vấn đề tâm lý liên quan đến KKTL trong HTN của SVSP để xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

3.2.2. Phương pháp chuyên gia

Mục đích: Nhằm xác định những biểu hiện cụ thể của KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

3.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Mục đích: Đánh giá thực trạng mức độ biểu hiện của KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP; Các yếu tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến KKTL trong HTN của SVSP.

3.2.4. Phương pháp quan sát

Mục đích: Quan sát khách quan thực trạng những biểu hiện và yếu tố ảnh hưởng đến biểu hiện KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

3.2.5. Phương pháp phỏng vấn sâu

Mục đích: Thu thập, bổ sung, kiểm tra và làm rõ hơn những thông tin đã thu được từ khảo sát thực tế.

3.2.6. Phương pháp thực nghiệm

Mục đích thực nghiệm: Luận án sử dụng thực nghiệm sư phạm nhằm hạn chế KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ cho SVSP. Cách thức thực nghiệm: Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về hoạt động HTN cho SVSP.

3.2.7. Phương pháp thống kê toán học

Mục đích: Xử lý các số liệu thu được ở phần điều tra chính thức để phục vụ cho việc phân tích kết quả chương 4.

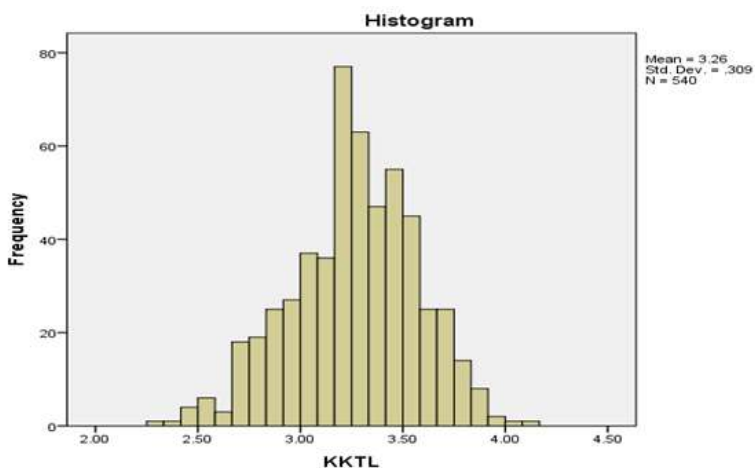
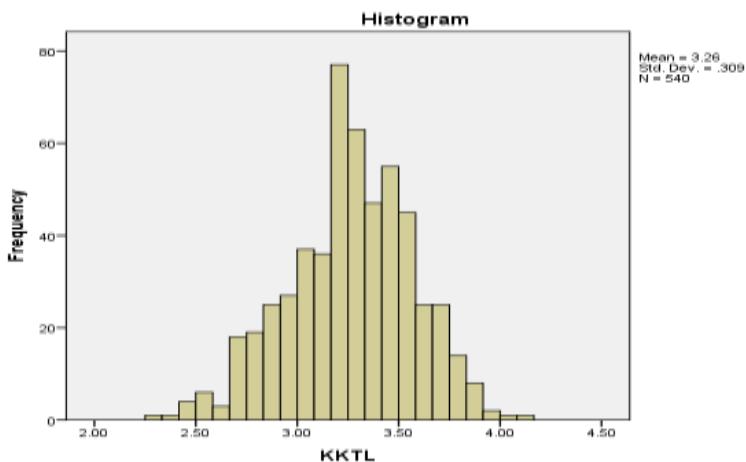
3.3. Tiêu chí đánh giá và thang đánh giá

3.3.1. Tiêu chí đánh giá

Dựa vào các khái niệm công cụ, biểu hiện KKTL trong HTN của SVSP. Luận án đánh giá mức độ biểu hiện KKTL trong HTN của SVSP qua 4 giai đoạn học tập nhóm.

3.3.2. Thang đánh giá

3.3.2.1. Cách tính điểm:



Biểu đồ 3-1: Phân bố điểm số về biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm

Trong bảng hỏi cách tính điểm được tính cụ thể như sau: với các nội dung cho điểm theo thang điểm từ 1 – 5 tương ứng với các lựa chọn của SVSP:

Không bao giờ (1 điểm); ít khi (2 điểm); thỉnh thoảng (3 điểm); thường xuyên (4 điểm); rất thường xuyên (5 điểm).

Không đồng tình (1 điểm); đồng tình một phần (2 điểm); về cơ bản là đồng tình (3 điểm); đồng tình (4 điểm); hoàn toàn đồng tình (5 điểm).

Không đúng (1 điểm); sai nhiều hơn đúng (2 điểm); đúng nhiều hơn sai (3 điểm); đúng (4 điểm); rất đúng (5 điểm).

Việc phân loại các mức độ biểu hiện của các thành phần KKTL trong HTN của SVSP được xác định căn cứ vào điểm trung bình cộng và độ

lệch chuẩn của phân bố kết quả thu được và được chia làm 3 mức độ: Mức độ ít khó khăn, mức độ có khó khăn, mức độ rất khó khăn.

3.3.2.2. Thang đánh giá biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm

Luận án phân loại các mức độ biểu hiện KKTL trong HTN của SVSP dựa trên ĐTB và độ lệch chuẩn của phân bố kết quả thu được của các thành phần biểu hiện và chia làm 3 mức độ: rất khó khăn, có khó khăn, ít khó khăn.

Bảng 3-1: Bảng tổng hợp mức độ biểu hiện khó khăn tâm lý

Mức độ biểu hiện KKTL	Định lượng	Định tính
Mức 3- rất khó khăn	$3,56 \leq \text{ĐTB} \leq 4,15$	Các biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm biểu hiện qua khía cạnh nhận thức, thái độ, hành vi ở mức độ rất khó khăn. Trong quá trình học tập nhóm luôn gặp trở ngại, khó khăn; có nhận thức, thái độ và hành vi thiếu hụt, chưa đúng trong các giai đoạn học tập nhóm; chưa thực sự hiểu, nhận thức đúng đắn về HTN cũng như còn thờ ơ, không quan tâm, chưa thực sự hứng thú, không thích trao đổi, thảo luận. Khó khăn tâm lý ở mức độ này gây cản trở quá trình học tập nhóm; các nhiệm vụ học tập của nhóm không được hoàn thành một cách hiệu quả.
Mức 2- có khó khăn	$2,95 \leq \text{ĐTB} < 3,56$	Các biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm biểu hiện qua khía cạnh nhận thức, thái độ, hành vi ở mức độ khó khăn. SVSP có gặp các trở ngại, khó khăn; các biểu hiện nhận thức, thái độ, hành vi trong các giai đoạn học tập nhóm của sinh viên sư phạm còn chưa đúng. Khó khăn tâm lý ở mức độ này gây ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao
Mức 1- ít khó khăn	$2,32 \leq \text{ĐTB} < 2,95$	Các biểu hiện khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm thể hiện họ ít gặp các trở ngại, khó khăn ở khía cạnh nhận thức, thái độ và hành vi trong các giai đoạn học tập nhóm. Khó khăn tâm lý ở mức độ này ít khi làm ảnh hưởng đến quá trình, kết quả học tập nhóm của sinh viên sư phạm.

Tiểu kết chương 3

Luận án được tổ chức chặt chẽ, khách quan bằng nhiều phương pháp nhằm thu được những kết quả đánh giá phong phú, tin cậy, có giá trị cả về mặt định tính, định lượng. Trong đó, các phương pháp được sử dụng chủ yếu là: phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu và phương pháp thống kê toán học.

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HỌC TẬP NHÓM THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA SINH VIÊN SỰ PHẠM

4.1. Thực trạng khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sự phạm

4.1.1. Đánh giá chung khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sự phạm

Bảng 4.1: Tổng hợp các mặt biểu hiện của khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sự phạm .

TT	Các biểu hiện	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Xếp hạng
1	Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sự phạm biểu hiện qua nhận thức.	3.15	0.52	2
2	Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sự phạm biểu hiện qua thái độ.	3.14	0.39	3
3	Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sự phạm biểu hiện qua hành vi.	3.48	0.44	1
	Chung	3.26	0.30	

Bảng số liệu 4.1 cho thấy, KKTL trong HTN của SVSP ở mức có khó khăn ($\text{ĐTB} = 3,26$; $\text{ĐLC} = 0,30$), biểu hiện qua các khía cạnh nhận thức, thái độ và hành vi. Trong 3 mặt biểu hiện thì SVSP gặp KKTL trong HTN nhiều nhất ở khía cạnh hành vi ($\text{ĐTB} = 3,48$); tiếp theo là nhận thức và thái độ ($\text{ĐTB} = 3,15$ và $3,14$). Như vậy, SVSP chủ yếu gặp trở ngại, khó khăn trong HTN ở mặt hành vi trong HTN theo học chế tín chỉ. KKTL trong HTN ở mức có khó khăn, cho thấy có những thiếu hụt, hạn chế nhất định về mặt nhận thức, thái độ và hành vi, điều này gây ra những ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả HTN, đôi khi làm quá trình HTN của SVSP không hiệu quả về mặt chất lượng.

Bảng 4.2: Tổng hợp các khó khăn tâm lý trong học tập nhóm qua 4 giai đoạn học tập nhóm của sinh viên sư phạm

STT	Các giai đoạn	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Thứ bậc
1	Thành lập nhóm học tập	3,43	0,42	1
2	Nhận nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ học tập	3,21	0,51	3
3	Thảo luận nhóm	3,28	0,41	2
4	Thảo luận trên lớp	3,11	0,44	4

Bảng số liệu 4.2 cho thấy, KKTL trong HTN của SVSP biểu hiện ở 3 mặt nhận thức, thái độ, hành vi qua 4 giai đoạn: Thành lập nhóm học tập; nhận nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ học tập; thảo luận nhóm; thảo luận trên lớp đều ở mức có khó khăn. Trong đó, SVSP gặp KKTL trong HTN nhiều nhất ở giai đoạn thành lập nhóm học tập ($\text{ĐTB} = 3,43$). Kế tiếp là giai đoạn thảo luận nhóm ($\text{ĐTB} = 3,28$). Điều này cho thấy, SVSP có gặp KKTL về mặt nhận thức, thái độ, hành vi trong giai đoạn thành lập nhóm, thảo luận nhóm nhiều hơn giai đoạn nhận nhiệm vụ, phân công nhiệm vụ và giai đoạn thảo luận trên lớp.

4.2. So sánh khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm theo các tiêu chí

4.2.1. So sánh khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm giữa các trường đại học sư phạm

Bảng 4.3: Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm theo trường

TT	Trường	ĐTB	ĐLC	P
1	Đại học Sư phạm Hà Nội	3,19	0,31	P = 0,001 < 0,05
2	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	3,27	0,28	
3	Đại học Thủ đô Hà Nội	3,31	0,32	

KKTL trong HTN của cả ba trường đều ở mức độ có khó khăn, sinh viên ở cả ba trường đều gặp KKTL trong HTN ở các khía cạnh nhận thức, thái độ, hành vi. Trong đó, sinh viên trường ĐHTĐ HN gặp khó khăn nhiều nhất so với trường ĐHSP HN 2 và ĐHSP HN ($\text{ĐTB} = 3,31$ so với 3,27 và 3,19). Thực tiễn cho thấy, trường ĐHTĐ HN áp dụng hình thức học chế tín chỉ sau nên các hình thức học tập tích cực trong đó có phương pháp HTN được ít sử dụng hơn so với hai trường ĐHSP HN, ĐHSP HN 2. Kết quả kiểm định bonferoni cũng cho thấy SVSP trường ĐHTĐ HN gặp

KKTL trong HTN nhiều nhất, tiếp đến ĐHSP HN 2 và ĐHSP HN.

4.2.2. So sánh khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm giữa các năm học

Bảng 4.4: Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm theo năm học

TT	Năm học	ĐTB	DLC	P
1	Năm thứ nhất	3,21	0,32	P < 0,05
2	Năm thứ hai	3,33	0,29	
3	Năm thứ ba	3,23	0,21	
4	Năm thứ tư	3,26	0,29	

Bảng 4.17 cho thấy, KKTL trong HTN của SVSP ở tất cả các năm học đều ở mức khó khăn. Trong đó, SVSP năm thứ tư gặp khó khăn nhiều nhất, tiếp theo là năm hai, năm ba và năm nhất. SVSP năm nhất gặp ít khó khăn nhất vì có thể họ mới làm quen với việc HTN nên cảm thấy thích thú, hào hứng, chưa gặp nhiều trở ngại. Càng về các năm học sau, KKTL trong HTN của SVSP lại càng cao. Điều này có thể do SVSP năm tư, năm hai, năm ba đã có sự hiểu biết nhất định về hoạt động HTN, khi tham gia nhiều có thể sinh viên sẽ gặp nhiều khó khăn. Kết quả kiểm định bonferoni cũng khẳng định SVSP năm tư gặp khó khăn nhiều nhất, tiếp theo là năm hai, năm ba và năm nhất.

Như vậy, có sự khác biệt KKTL trong HTN giữa các năm học. KKTL trong HTN từ năm thứ 4 cho đến năm thứ nhất được xếp tương ứng theo thứ tự từ cao đến thấp. Năm thứ 4 SVSP gặp nhiều khó khăn nhất, kế tiếp là năm thứ hai, năm thứ ba và cuối cùng ít gặp khó khăn nhất là năm thứ nhất.

4.2.3. So sánh khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm theo chuyên ngành

Kết quả so sánh KKTL trong HTN của SVSP theo chuyên ngành cho thấy không có sự khác biệt ($P > 0,05$). Ở tất cả các giai đoạn HTN, ở các biểu hiện nhận thức, thái độ và hành vi, KKTL trong HTN đều không có sự khác biệt ($P > 0,05$). (xem phụ lục 8, bảng 8.5) Điều này cho thấy, mặc dù SVSP học chuyên ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, giáo dục mầm non và giáo dục tiểu học có nội dung học tập khác nhau nhưng tất cả đều gặp KKTL trong HTN giống nhau, không có sự khác biệt.

4.2.4. So sánh khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm theo học lực

Bảng 4.5: Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm theo học lực

TT	Học lực	ĐTB	ĐLC	P
1	Xuất sắc, giỏi	3,21	0,30	P < 0,05
2	Khá	3,22	0,37	
3	Trung bình, yếu	3,34	0,32	

Bảng 4.19 cho thấy có sự khác biệt KKTL trong HTN của SVSP xét theo học lực ($p < 0,05$). Cả ba nhóm học lực đều có KKTL trong HTN ở mức khó khăn. Điều đó cho thấy, cả những SVSP xuất sắc, giỏi và khá đều gặp KKTL trong HTN. Trong đó, nhóm trung bình và yếu gặp KKTL nhiều nhất so với hai nhóm học lực còn lại (ĐTB = 3,34). Kết quả quan sát thực tiễn cũng cho thấy, những SVSP học lực trung bình, yếu thường không tích cực học tập, trong HTN thường hay ý lại những thành viên khác. Nhóm xuất sắc, giỏi và khá có ĐTB gần bằng nhau cho thấy hai nhóm này có KKTL trong HTN gần như nhau. Kết quả kiểm định bonferroni cũng cho thấy, nhóm trung bình, yếu có KKTL trong HTN nhiều hơn hai nhóm học lực còn lại.

4.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên sư phạm

4.3.1. Ảnh hưởng của những yếu tố chủ quan

Những yếu tố chủ quan có mối tương quan thuận với KKTL trong HTN của SVSP, trong đó yếu tố như động cơ HTN bên ngoài có mối tương quan thuận, chặt hơn cả.

4.3.2. Ảnh hưởng của những yếu tố khách quan

Những yếu tố khách quan cũng có mối tương quan thuận với KKTL trong HTN của SVSP, trong đó các yếu tố như nội dung, tài liệu học tập; sự tổ chức HTN của giảng viên có ảnh hưởng nhiều nhất đến KKTL trong HTN của SVSP.

4.3.3. Dự báo về các yếu tố ảnh hưởng đến tính tích cực làm việc của người lao động

Xem xét ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan cho thấy, yếu tố động cơ HTN có ảnh hưởng nhiều nhất đến KKTL trong HTN của SVSP, tiếp đó đến yếu tố tính tích cực HTN và cuối cùng là kỹ năng HTN của SVSP. (Beta Động cơ HTN = 0,3116 > Beta tính tích cực HTN = 0,113 và Beta Kỹ năng HTN = 0,102). Như vậy có thể thấy, các yếu tố chủ quan đều có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN của SVSP nhưng động cơ HTN là yếu tố vô cùng quan trọng, nó ảnh hưởng nhiều hơn các yếu tố khác, vì vậy HTN với động cơ nội tại, vì sự linh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo phải được chú ý và xóa bỏ động cơ HTN bên ngoài vụ lợi, ý lại nhóm, thầy cô. Cũng bởi vì, nếu SVSP không HTN với động cơ bên trong có ích thì việc tích cực HTN

hay có những kỹ năng HTN tốt thì cũng chưa hoàn toàn hạn chế các KKTL trong quá trình HTN; còn học tập với động cơ tích cực thì chắc chắn tính tích cực, kỹ năng học tập của sinh viên cũng sẽ tốt hơn.

Xem xét ảnh hưởng của các yếu tố khách quan cho thấy, yếu tố tài liệu học tập, nội dung thảo luận có ảnh hưởng nhiều nhất đến KKTL trong HTN của SVSP; thực tiễn cũng đã cho thấy SVSP còn thiếu rất nhiều giáo trình, tài liệu phục vụ cho học tập và khi tự học là định hướng chủ đạo ở Đại học thì sách vở ảnh hưởng đến học tập nhiều hơn bạn bè, thầy cô là điều dễ hiểu. Tiếp theo đến yếu tố giảng viên, đặc điểm lớp học và cuối cùng là nhóm trưởng. Nhóm trưởng là yếu tố có ít ảnh hưởng hơn cả vì SVSP còn xem nhẹ vai trò của nhóm trưởng khi HTN.

Xem xét tổng hợp ảnh hưởng của các yếu tố đến KKTL trong HTN của SVSP cho thấy, yếu tố động cơ HTN có ảnh hưởng nhiều nhất đến KKTL trong HTN của SVSP, tiếp theo là yếu tố tài liệu học tập, nội dung thảo luận; tính tích cực HTN; đặc điểm lớp học và kỹ năng HTN có hệ số beta bằng nhau; nhóm trưởng và cuối cùng là giảng viên. Tóm lại sự xem xét so sánh các mức độ ảnh hưởng của các yếu tố là cần thiết, tuy nhiên thực tiễn các yếu tố này đều có những ảnh hưởng, tác động rất phức tạp đến KKTL trong HTN của SVSP, do vậy cần xem xét đồng đều tất cả các yếu tố.

4.4. Kết quả thực nghiệm sư phạm

Dựa vào kết quả khảo sát thực trạng, lấy 40 SVSP ở trường ĐHTĐ HN có mức độ KKTL trong HTN ở mức rất khó khăn, có khó khăn để tham gia trước và sau thực nghiệm.

Bảng 4.6 : Kết quả trước và sau thực nghiệm về mức độ khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của nhóm thực nghiệm

KKTL trong HTN	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm		Mức độ ý nghĩa
	<i>ĐTB</i>	<i>ĐLC</i>	<i>ĐTB</i>	<i>ĐLC</i>	
KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt nhận thức	3,09	0,47	1,99	0,39	0,000
KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt hành vi	3,37	0,37	2,12	0,50	0,000
KKTL chung	3,23	0,34	2,05	0,27	0,000
<i>KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt nhận thức</i>					
Giai đoạn xây dựng và thành lập nhóm học tập	2,63	0,79	1,94	0,70	0,000
Giai đoạn phân công và nhận	2,86	0,78	1,88	0,72	0,000

nhiệm vụ học tập					
Giai đoạn thảo luận nhóm	3,66	0,40	1,93	0,50	0,000
Giai đoạn thảo luận nhóm trên lớp	3,21	0,61	2,22	0,87	0,000
<i>KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt hành vi</i>					
Giai đoạn xây dựng và thành lập nhóm học tập 0,94	3,15	0,72	2,21	0,83	0,000
Giai đoạn phân công và nhận nhiệm vụ học tập	3,33	0,46	2,29	0,86	0,000
Giai đoạn thảo luận nhóm	3,88	0,72	2,01	0,85	0,000
Giai đoạn thảo luận nhóm trên lớp	3,13	0,40	1,95	0,99	0,000

Kết quả bảng số liệu 4.6 cho thấy, KKTL trong HTN của SVSP ở cả tất cả các biểu hiện nhận thức, hành vi và trong cả 4 giai đoạn HTN đều có ĐTB giảm sau khi tác động bằng hình thức tập huấn trong quá trình thực nghiệm. Cụ thể: ĐTB KKTL chung ở cả mặt nhận thức, thái độ trước khi thực nghiệm là 3,23, thì sau thực nghiệm giảm còn 2,05, cho thấy KKTL trong HTN sau thực nghiệm có được khắc phục. Tuy nhiên trước thực nghiệm, KKTL trong HTN của sinh viên ở mức khó khăn trung bình, thì sau thực nghiệm KKTL của SVSP có giảm nhưng vẫn ở mức khó khăn trung bình ở tất cả các biểu hiện. Điều này cho thấy, để có thể giảm một cách đáng kể KKTL trong HTN của SVSP. Nhóm thực nghiệm sẽ cần rất nhiều thời gian để tập huấn, rèn luyện, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng về nhận diện và khắc phục các KKTL tạo ra trở ngại khi HTN.

Giữa biểu hiện ở mặt nhận thức và hành vi thì KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt hành vi thay đổi nhiều hơn so với biểu hiện ở nhận thức. (Từ 3,09 – 1,99 giảm nhiều hơn so với 3,37 – 2,12).

Xem xét ở KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt nhận thức trong các giai đoạn HTN thì giai đoạn thảo luận nhóm có sự thay đổi KKTL nhiều nhất. Còn ở KKTL trong HTN biểu hiện ở mặt hành vi trong các giai đoạn HTN thì giai đoạn thảo luận nhóm cũng có sự thay đổi nhiều nhất. Ở cả hai mặt nhận thức và hành vi; KKTL trong HTN thay đổi ít nhất trong giai đoạn thành lập nhóm học tập.

Nhìn chung, kết quả nghiên cứu của thực nghiệm cho thấy, biện pháp tác động sư phạm có những hiệu quả nhất định nhưng sẽ phải thực hiện trong thời gian dài bằng nhiều hình thức bồi dưỡng, tập huấn khác nhau.

Tiểu kết chương 4

Kết quả điều tra thực trạng KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP cho thấy: SVSP có KKTL trong HTN ở mức có khó khăn ở ba mặt biểu hiện nhận thức, thái độ, hành vi. SVSP gặp KKTL trong HTN nhiều nhất ở mặt hành vi và ít khó khăn nhất ở mặt thái độ. Còn ở 4 giai đoạn HTN, SVSP gặp KKTL nhiều nhất ở giai đoạn thành lập nhóm học tập và ít khó khăn nhất ở giai đoạn thảo luận trên lớp.

So sánh KKTL trong HTN theo các tiêu chí: nhóm trường, chuyên ngành, niên khóa, học lực cho thấy có sự khác biệt KKTL trong HTN ở các tiêu chí này (ngoại trừ chuyên ngành không có sự khác biệt về thống kê).

Tất cả các yếu tố khách quan, chủ quan được khảo sát đều có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN theo tín chỉ của SVSP. Trong đó các yếu tố động cơ HTN; yếu tố tài liệu, nội dung thảo luận có ảnh hưởng nhiều nhất.

Kết quả thực nghiệm cho thấy, biện pháp nâng cao nhận thức của SVSP về việc nhận diện các KKTL trong HTN có làm giảm thiểu KKTL trong HTN của SVSP nhưng chưa thực sự giảm nhiều. Điều đó cho thấy, để khắc phục hoàn toàn KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP là một việc làm khó khăn, cần thực hiện trong một thời gian dài với nhiều cách thức tác động thì kết quả sẽ tốt hơn, hiệu quả hơn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP, luận án rút ra một số kết luận sau đây:

1.1. Về mặt lý luận

KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP là tất yếu, khách quan. Khi xuất hiện nó sẽ làm giảm hiệu quả hoạt động HTN theo học chế tín chỉ của SVSP.

Luận án đã đưa ra được khái niệm công cụ: *Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm là sự hạn chế, thiếu hụt về mặt nhận thức, thái độ và hành vi khi sinh viên thực hiện trách nhiệm tự học tập, chia sẻ và giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập chung của nhóm. Các khó khăn đó biểu hiện cụ thể trong việc thành lập và xây dựng nhóm học tập; phân công và nhận nhiệm vụ học tập; thảo luận nhóm và thảo luận trên lớp mà sinh viên cần phải nỗ lực vượt qua nhằm mục đích tích lũy đủ số tín chỉ học tập của một học phần.*

KKTL trong HTN của SVSP biểu hiện ở 3 mặt nhận thức, thái độ, hành vi đồng thời thể hiện trong 4 giai đoạn HTN: Thành lập và xây dựng nhóm học tập, nhận nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ học tập, thảo luận nhóm, thảo luận nhóm trên lớp.

Có nhiều yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến KKTL trong HTN theo học chế tín chỉ của SVSP. Trong đó, các yếu tố khách quan bao gồm: Tổ chức và đánh giá kết quả HTN của giảng viên; tổ chức HTN của nhóm trưởng; đặc điểm lớp học; tài liệu, nội dung học tập. Các yếu tố chủ quan bao gồm: Động cơ, tính tích cực và kỹ năng HTN.

1.2. Về mặt thực tiễn

KKTL trong HTN của SVSP ở mức có khó khăn. Trong đó, KKTL ở mặt hành vi nhiều hơn mặt nhận thức và thái độ. Ở 4 giai đoạn HTN, sinh viên gặp KKTL nhiều nhất ở giai đoạn thành lập nhóm học tập.

Kết quả nghiên cứu cụ thể các biểu hiện KKTL ở các mặt nhận thức, thái độ và hành vi cho thấy, KKTL ở cả 3 mặt này đều ở mức có khó khăn.

Kết quả phân tích tương quan cho biết: Có sự tương quan giữa 3 mặt nhận thức, thái độ và hành vi. KKTL trong HTN ở khía cạnh nhận thức có mối tương quan với KKTL ở khía cạnh thái độ và hành vi. KKTL của SVSP tất cả các giai đoạn HTN đều có mối tương quan thuận khá chặt chẽ.

Kết quả so sánh KKTL trong HTN theo trường, chuyên ngành, niên khóa, học lực:

So sánh theo trường, SVSP trường ĐHTĐ HN gặp KKTL trong HTN nhiều nhất, tiếp đến ĐHSPT HN 2 và ĐHSPT HN. Trường ĐHTĐ HN gặp khó khăn nhiều nhất ở mặt nhận thức và hành vi; trường ĐHSPT HN 2 gặp khó khăn nhiều nhất ở mặt thái độ.

So sánh theo niên khóa, KKTL trong HTN của SVSP tất cả các niên khóa đều ở mức có khó khăn, SVSP năm thứ 2 gặp KKTL trong HTN biểu hiện qua hành vi nhiều nhất so với các niên khóa còn lại. Kết quả so sánh KKTL trong HTN của SVSP theo chuyên ngành cho thấy không có sự khác biệt. Cả ba nhóm học lực đều có KKTL trong HTN ở mức có khó khăn. Trong đó, nhóm trung bình và yếu gặp KKTL nhiều nhất so với hai nhóm học lực còn lại.

Các yếu tố ảnh hưởng đến KKTL trong HTN của SVSP: Tất cả các yếu tố chủ quan và khách quan đều có ảnh hưởng. Từng yếu tố động cơ, tính tích cực HTN, yếu tố giảng viên, nhóm trưởng, đặc điểm lớp học, tài liệu và nội dung thảo luận đều có ảnh hưởng đến KKTL trong HTN. Trong đó, yếu tố động cơ HTN bên ngoài; tài liệu học tập, nội dung thảo luận có ảnh hưởng nhiều nhất.

Thực nghiệm cho thấy, KKTL trong HTN của SVSP có thể hạn chế bằng việc tập huấn, nâng cao nhận thức của SVSP về nhận diện, khắc phục các KKTL trong HTN.

2. Kiến nghị

2.1 Đối với các nhà trường sư phạm và các Khoa

Các nhà trường Sư phạm chỉ đạo các Khoa tổ chức các buổi tọa đàm học tập về HTN cho sinh viên vào đầu năm học mới. Tập trung, chú trọng đến việc khắc phục các KKTL trong HTN của SVSP ở biểu hiện nhận thức và hành vi. Có kế hoạch đánh giá KKTL trong HTN của sinh viên toàn khóa và xây dựng quy trình đánh giá những KKTL trong HTN của sinh viên.

Khuyến khích giảng viên và sinh viên học tập, giảng dạy bằng hình thức HTN. Trong quá trình áp dụng hình thức học tập này, yêu cầu giảng viên thường xuyên quan tâm, đúc rút những kinh nghiệm cần thiết để khắc phục các KKTL trong HTN của sinh viên.

Khoa tăng cường kiểm tra, thanh tra việc giảng dạy, áp dụng hình thức HTN của giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó, các Khoa cần chú trọng đặc biệt việc rà soát các tài liệu phục vụ học tập nói chung, HTN nói riêng và có các chỉ đạo yêu cầu giảng viên xây dựng, viết tài liệu, giáo trình nếu thiếu.

2.2 Đối với giảng viên các trường sư phạm

Giảng viên các nhà trường sư phạm cần chú ý khắc phục các KKTL trong HTN cho SVSP bằng cách, tổ chức, hướng dẫn SVSP quy trình HTN. Trong quá trình tổ chức HTN cho SVSP, cần kiểm soát quá trình SVSP tổ chức họp nhóm, thảo luận; yêu cầu nhóm trưởng, thư ký và các thành viên kiểm tra, đôn đốc và nhắc nhở nhau thực hiện việc HTN một cách nghiêm túc, không làm việc riêng. Cùng với sinh viên xây dựng, thống nhất quy trình HTN từ tất cả các giai đoạn: Xây dựng và thành lập nhóm học tập; phân công và nhận nhiệm vụ học tập; thảo luận nhóm; thảo luận nhóm trên lớp. Khuyến khích, sinh viên bày tỏ quan điểm, nguyện vọng và các khó khăn khi học tập nhóm.

Ngoài việc tổ chức HTN cho sinh viên, các giảng viên cần phải đánh giá quá trình HTN của sinh viên một cách khách quan, cần đánh giá khách quan cả kết quả làm việc nhóm và kết quả làm việc của cá nhân, đồng thời cho sinh viên tự đánh giá lẫn nhau và cũng coi đó là một kết quả đánh giá quan trọng.

Nhắc nhở sinh viên chú ý quá trình thành lập nhóm, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, luôn chủ động giám sát nhau trong quá trình HTN.

Giúp sinh viên hiểu được ý nghĩa của việc tranh luận, phản biện khi thảo luận. Hỗ trợ sinh viên việc thành lập nhóm học tập; xây dựng các nguyên tắc, nội quy của nhóm học tập; tiêu chuẩn để phân công, đề cử nhóm trưởng, thư ký.

Yêu cầu các nhóm học tập có sổ ghi chép hoạt động; phân công vai trò, nhiệm vụ một cách rõ ràng cho các thành viên, báo cáo thường xuyên cho giảng viên về tiến độ thảo luận, học tập bằng văn bản và thông qua sổ ghi chép.

Trong quá trình giảng dạy, các giảng viên phải chú ý cung cấp, giới thiệu đa dạng nguồn tài liệu, giáo trình để sinh viên có học liệu thảo luận, trao đổi. Cùng với đó, thường xuyên đánh giá mức độ cập nhật, giá trị sử dụng của giáo trình, tài liệu để thay mới hoặc cần thiết phải biên soạn thêm tài liệu.

2.3 Đối với sinh viên sư phạm

SVSP cần chú ý đến động cơ HTN và tích cực HTN. Tham gia HTN với động cơ HTN bên trong, tích cực HTN với tâm thế chủ động, tự giác, say mê.

Trong quá trình HTN, cần chuẩn bị bài thảo luận một cách tích cực, không ỷ lại vào các thành viên trong nhóm. Cần quan tâm và xác định rõ vai trò của nhóm trưởng, thư ký cũng như các thành viên trong nhóm. Nắm được bản chất của HTN là tranh luận, trao đổi, chia sẻ thông tin học tập trong nhóm, cùng nhau hợp tác hoàn thành các nhiệm vụ học tập của nhóm.

Nhận thức rõ việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên; tránh phân công một cách cảm tính, không kiểm tra sự phù hợp về năng lực học tập, chú trọng điểm mạnh của người khác để giao việc; chú ý phân công nhiệm vụ học tập cho các thành viên một cách đồng đều. Không dồn hết mọi trách nhiệm, công việc cho nhóm trưởng hay bất kỳ một thành viên nào trong nhóm; hỗ trợ, giúp nhóm trưởng hoàn thành tốt trách nhiệm.

Các nhóm học tập cần có sổ tổng hợp, ghi chép lại quá trình họp nhóm, thảo luận, phân chia nhiệm vụ học tập cho các thành viên một cách chi tiết rõ ràng. Lấy đó làm căn cứ báo cáo, phản hồi tình trạng học tập của nhóm cho giảng viên.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. **Lê Minh** (2015), *Khó khăn về nhận thức trong học tập nhóm của sinh viên trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Tâm lí học và giáo dục học trong sự nghiệp phát triển con người Việt Nam; trang 481 – 484.
2. **Lê Minh** (2016), *Nâng cao hiệu quả hoạt động nhóm trong học tập cho sinh viên trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Số 3, 03/2016; trang 134 – 140.
3. **Lê Minh** (2016), *Bồi dưỡng năng lực tổ chức học tập nhóm trên lớp cho giáo viên Trung học cơ sở*, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia, Đào tạo giáo viên tại các trường đại học đa ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; trang 348 – 355.
4. **Lê Minh** (2018), *Một số khó khăn tâm lý trong học tập nhóm của sinh viên giữ vai trò nhóm trưởng*, Tạp chí Tâm lý học xã hội, Số 1/2018; trang 105 – 112.
5. **Lê Minh** (2018), *Thực trạng khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm*, Tạp chí Tâm lý học xã hội, Số 2/2018; trang 23 – 34.
6. **Lê Minh** (2018), *Khó khăn tâm lý trong học tập nhóm theo học chế tín chỉ của sinh viên sư phạm*, Tạp chí Giáo dục, Số 428 (kỳ 2 – 4/2018), trang 12 – 16.